

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/HS-ST
Ngày 11-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lợi.

Ông Hứa Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với:

- Các bị cáo:

1. Hà Văn H (tên gọi khác: Không); sinh ngày 08 tháng 10 năm 1992 tại huyện C, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản C, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn Đ và bà Vi Thị H; vợ: Nguyễn Thị N; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 14-4-2023, tạm giam từ ngày 17-4-2023 đến nay; có mặt.

2. Triệu Chấn U (tên gọi khác: Không); sinh ngày 20 tháng 12 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Sáng H và bà Dương Mùi N; vợ: Dương Mùi S; con: có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 14-4-2023, tạm giam từ ngày 17-4-2023 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Mùi S, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng: Chị Lữ Thị N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Lữ Thị N, sinh năm 1997, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An được một người phụ nữ (không biết họ, địa chỉ cụ thể) ở huyện T, tỉnh Nghệ An đưa N cùng 05 người phụ nữ khác (không rõ danh tính) xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua đường mòn biên giới tỉnh Quảng Ninh làm nghề massage tại tỉnh Nam Ninh, Trung Quốc. Từ năm 2012 đến năm 2020, N đã nhập cảnh trái phép về Việt Nam 03 lần (lần 1 năm 2012; lần 2 năm 2014; lần 3 năm 2020) đều qua đường mòn biên giới tỉnh Cao Bằng theo chỉ dẫn của một người tên L người Việt Nam (không biết họ, địa chỉ cụ thể). Đến tháng 5 năm 2020, N tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua đường tỉnh Cao Bằng làm nghề massage tại Nam Ninh, Trung Quốc và cũng được người phụ nữ tên L chỉ dẫn.

Khoảng tháng 11 năm 2020, Hà Văn H là anh họ của N xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê tại xưởng ván ép tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tại đây, H quen biết người Trung Quốc tên X, hai người kết bạn và cho nhau Wechat để liên lạc. Trong thời gian làm việc tại Trung Quốc, H cũng quen Triệu Chấn C, sinh năm 1994, ở thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cùng cho nhau số điện thoại và kết bạn zalo để liên lạc. Khoảng tháng 3 năm 2023, H muốn về Việt Nam nên nhờ X đưa đến biên giới để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam theo đường mòn khu vực xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thông qua ứng dụng bản đồ cài đặt trên điện thoại. Đến đầu tháng 4 năm 2023, do biết H làm thuê ở Trung Quốc đã về Việt Nam nên N gọi điện thoại hỏi H cách nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để về huyện T, tỉnh Nghệ An làm giấy tờ tùy thân. H đã cho N biết, H được X người Trung Quốc đưa về đến biên giới Việt Nam. Sau đó, H liên hệ với X bảo người này dẫn N về biên giới Việt Nam sẽ trả tiền công 1000 Nhân dân tệ (sau viết tắt là NDT). Đồng thời H cho N tài khoản Wechat của X để N tự liên lạc với X.

Sáng ngày 12-4-2023, N gọi điện cho H biết đã liên hệ được với người dẫn đường và bảo H ngày 13-4-2023 đến biên giới Việt Nam – Trung Quốc đón. H đang làm thuê ở tỉnh Bắc Giang đi ô tô khách lên Lạng Sơn vào nhà Triệu Chấn C ở xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chơi và tìm người để đón N. Tối ngày 12-4-2023, trong lúc ăn cơm, C có giới thiệu H với U. Hai người nói chuyện với nhau, U cho H biết đã từng đi sang Trung Quốc làm thuê năm 2016 và đi theo đường mòn mốc 1206 ở thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sang Ninh Minh, Trung Quốc. H bảo U cùng đi đón N, H sẽ trả cho U 1.000.000 đồng tiền công rồi hai người đã cho nhau số điện thoại và kết bạn zalo với nhau để liên hệ. Đến khoảng 09 giờ sáng, ngày 13-4-2023, N gọi điện cho H thông báo đang trên đường về đến biên giới Việt Nam, H nhắn tin cho U và hẹn khoảng 15 giờ cùng U chờ H lên biên giới để đón N. Khi lên đến gần cột mốc 1206, H để xe mô tô cách hàng rào sắt khoảng 300m rồi đi bộ đến sát hàng rào chờ ở đó. Khoảng hai tiếng sau thì N được người đàn ông Trung Quốc đưa đến hàng rào biên giới Việt Nam – Trung Quốc. H và U trèo qua hàng rào sắt giúp N đưa

đề dùng rồi trôi qua hàng rào sắt vào Việt Nam. Sau đó, U điều khiển xe mô tô chở H và N di chuyển vào nội địa Việt Nam khi đi qua chốt kiểm soát người, phương tiện ra vào biên giới thuộc thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị tổ công tác Bộ đội Biên phòng Ba Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt giữ. Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE, biển kiểm soát 12D1-28493; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh; 01 (một) Căn cước công dân mang tên Triệu Chấn U; 01 (một) Căn cước công dân mang tên Hà Văn H; 01 (một) Hộ chiếu mang tên Hà Văn H; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Triệu Chấn U; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xanh.

Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKS-P2 ngày 19-7-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U. Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Xử phạt bị cáo Triệu Chấn U từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U do bị cáo H thuộc hộ cận nghèo, bị cáo U thuộc hộ nghèo và đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước đối với: 01 (một) chiếc điện thoại IPHONE và 01 (một) chiếc điện thoại VIVO do các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Hà Văn H 01 (một) chứng minh nhân dân, 01 (một) Hộ chiếu, 01 (một) điện thoại OPPO. Trả lại cho bị cáo Triệu Chấn U và chị Dương Mùi S: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 12D1-28493. Trả lại cho bị cáo Triệu Chấn U 01 (một) căn cước công dân. Các bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội danh, đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện, không oan. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và đồng ý với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc trả lại chiếc xe mô tô bị thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, vì vụ lợi, ngày 13-4-2023, các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U là người thực hiện hành vi tổ chức cho chị Lữ Thị N nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ kết tội các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định của khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích vụ lợi.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Hà Văn H thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo Triệu Chấn U thuộc hộ nghèo. Do đó, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[8] Về tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm: Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nên thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm. Bị cáo Hà Văn H là người trực tiếp liên lạc với người đàn ông Trung Quốc tên là X và chị Lữ Thị N, rủ Triệu Chấn U cùng đi đón Lữ Thị N và trực tiếp đi đón Lữ Thị N nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam nên có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Triệu Chấn U là người trực tiếp cùng bị cáo H đi đón Lữ Thị N nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam nên có vai trò giúp sức trong vụ án. Do đó, bị cáo Hà Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Triệu Chấn U.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Hà Văn H thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo Triệu Chấn U thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) chiếc điện thoại IPHONE và 01 (một) chiếc điện thoại VIVO do các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn H, 01 (một) Hộ chiếu mang tên Hà Văn H và 01 (một) điện thoại OPPO thu giữ của bị cáo Hà Văn H do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Hà Văn H. Đối với 01 (một) Căn cước công dân mang tên Triệu Chấn U do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Triệu Chấn U. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE biển kiểm soát 12D1-28493 là tài sản chung của bị cáo Triệu Chấn U và chị Dương Mùi S. Mặc dù bị cáo U sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không phải là phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hơn nữa, gia đình bị cáo Triệu Chấn U và chị Dương Mùi S thuộc hộ nghèo, chiếc xe mô tô là phương tiện duy nhất để đi lại. Do đó, cần trả lại cho bị cáo Triệu Chấn U và chị Dương Mùi S cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

[12] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Hà Văn H thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo Triệu Chấn U thuộc hộ nghèo. Các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, các bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Đối với những người liên quan đã được xác minh làm rõ và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Ý kiến của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hà Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 14 tháng 4 năm 2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Triệu Chấn U 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 14 tháng 4 năm 2023.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

4.1. Tịch thu, hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 356716115543994, IMEI2 356716115999345, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel. 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 861325044437530, số IMEI1 861325044437522, bên trong lắp 01 (một) sim Viettel.

4.2. Trả lại cho bị cáo Hà Văn H: 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn H. 01 (một) Hộ chiếu mang tên Hà Văn H. 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEI1 867568046603377, số IMEI2 867568046603369.

4.3. Trả lại cho bị cáo Triệu Chấn U và chị Dương Mùi S: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu trắng, đen, bạc, số máy JA39E1339475, số khung RLHJA3917LY007337, biển kiểm soát 12D1-28493. 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Triệu Chấn U.

4.4. Trả lại cho bị cáo Triệu Chấn U: 01 (một) Căn cước công dân mang tên

Triệu Chấn U.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-7-2023 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Các bị cáo Hà Văn H, Triệu Chấn U được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp

